

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2024/DS-ST

Ngày 22/05/2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Đức Hoà;

[2]. Bà Lê Thị Thận;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 và 22 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/ DS- ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số: 25/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T V.

Địa chỉ: 89, L H, P L Hạ, Q .Đ, TP. Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 96, C , P x. Q 3, TP. HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh M T .(xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ V S; sinh năm 1992

Bà Quách Th Th L; sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã B , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện của Bị đơn: ông Võ V S theo ủy quyền:

Bà Trần T L, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã B , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Ông Võ V S, bà Quách Th Th L có vay vốn của Ngân hàng T V (Viết tắt: VPBank), Chi nhánh Bình Phước và chi tiết các hợp đồng như sau:

1/ Hợp đồng vay vốn số: LN 2004202349353, ký ngày 13 tháng 05 năm 2020, người vay ông Võ V S, bà Quách Th Th L, số tiền vay 500.000.000đồng, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 14/05/2020 đến ngày 14/05/2030.

việc trả nợ gốc theo định kỳ 1 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên ngày 15/6/2020, mỗi kỳ trả 4.167.000đ, kỳ cuối cùng trả hết số tiền còn lại, tiền lãi cũng trả theo định kỳ 1 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên ngày 14/5/2020.

Lãi suất thời điểm cho vay trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 14/05/2020, lãi suất cho vay trong thời hạn là 11,5%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các ngày 1 tháng 1; 1 tháng 4; 1 tháng 7; 1 tháng 10 hàng năm, ngày điều chỉnh Lãi suất đầu tiên là 14/08/2020; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.(Điều 2 Điều kiện giao dịch chung).

Mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật liệu gia đình. (Điều 2 hợp đồng)

Trong đơn khởi kiện có ghi hợp đồng LD2013500382, đây là chuyên môn riêng của VPBank, để tra cứu dư nợ của khách hàng, vì vậy hợp đồng ghi LN 2004202349353 và LD2013500382 thực chất chỉ là một.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 22, diện tích 1328,4m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR425245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 03641, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 13/05/2020 tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Phước. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Đăng ngày 13 tháng 05 năm 2020.

2/ Hợp đồng cho vay số: LD2115400695, ký ngày 13 tháng 6 năm 2021, người vay Võ V S, số tiền cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 15/05/2024, kể từ ngày 3/6/2021, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, việc trả nợ gốc theo định kỳ 1 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên ngày 15/7/2021, tổng cộng 36 kỳ. tiền lãi cũng trả theo định kỳ 1 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên ngày 15/7/2021, tổng cộng 36 kỳ.

Về lãi suất trong hạn 22%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần (Điều 2 Hợp đồng)

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.(Điều 2 Điều kiện giao dịch chung).

3/ Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, ký ngày 13/05/2020, hạn mức cấp 25.000.000đồng, ngày mở thẻ 18/ 5/2020, thời hạn sử dụng 60 tháng. Lãi suất theo quy định chung của ngân hàng VPBank (phần II của hợp đồng: Giấy đề nghị)

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ V S và bà Quách Th Th L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. (Điều 2 Hợp đồng và Điều 8 Điều kiện giao dịch chung).

Tính đến ngày 22 tháng 04 năm 2024 ông Võ V S và bà Quách Th Th L đã trả được một phần và còn nợ số tiền như sau:

a/ Theo hợp đồng LN 2004202349353 đã trả được 165.546.000đ tiền gốc, tiền lãi 125.021.100đ, số tiền còn nợ: gốc 338.621.000đ, tiền lãi 121.366.549 đ.

Theo hợp đồng LD2115400695, đã trả được 9.676.626 đ tiền gốc, tiền lãi 6.709.106đ số tiền còn nợ: gốc 20.323.374đ, tiền lãi 10.116.919đ.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, nợ số tiền gốc 19.095.323đ, tiền lãi 18.049.500 đ.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

a/ Buộc ông Võ V S, bà Quách Th Th L phải thanh toán ngay cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng nêu trên, tạm tính đến ngày 22 tháng 04 năm 2024, tổng số tiền gốc của ba hợp đồng là 378.039.697đ, tổng tiền lãi 149.532.968đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 527.572.665đ.

Ông Võ V S, bà Quách Th Th L tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ cho ngân hàng VPBank.

b/ Trường hợp ông Võ V S, bà Quách Th Th L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và thửa đất số 279, tờ bản đồ số 22, diện tích 1328,4 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số CR 425 245, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 036 41, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 13 tháng 05 năm 2020, tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Phước. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đại huyện Bù Đăng, ngày 13 tháng 05 năm 2020.

c/ Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Võ V S và bà Quách Th Th L tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Trần T L trình bày: Con tôi Võ V S và Quách Th Th L có vay tiền ngân hàng số tiền 500.000.000đ, trong thời hạn 10 năm, trong khi đó đã đóng lãi cho ngân hàng trong 3 năm gần 400.000.000đ tiền lãi, gốc chưa trả, ngân hàng tính lãi suất quá cao, vì vậy đề nghị xem lại lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[3.1] Lần 1, ngày 13 tháng 05 năm 2020 bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, các bên có ký Hợp đồng vay vốn số: LN 2004202349353, số tiền vay 500.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 14/05/2020 đến ngày 14/05/2030.

Lần 2, ngày 13 tháng 6 năm 2021 bị đơn vay tiền của nguyên đơn, các bên có ký Hợp đồng cho vay số: LD2115400695, số tiền cho vay 30.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 3/6/2021 đến ngày 15/05/2024, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Lần 3, ngày 13/05/2020 bị đơn vay tiền của nguyên đơn bằng hình thức dịch vụ ngân hàng điện tử ký, số tiền vay 25.000.000 đồng, ngày mở thẻ 18/ 05/2020, thời hạn sử dụng 60 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ V S và bà Quách Th Th L đã vi phạm nghĩa vụ thời hạn trả nợ đối với ngân hàng, cụ thể: việc trả nợ tiền gốc và lãi, theo điểm a và b khoản 6 Điều 2 của Hợp đồng LN 2004202349353 đã ký kết, nội dung:

- a) Các kỳ trả nợ gốc, bên vay phải trả nợ gốc cho bên ngân hàng theo định kỳ một tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 15 tháng 6 năm 2020, số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 4.167.000đ, riêng thì cuối cùng trả dứt nợ,
- b) Các kỳ trả nợ lãi, bên vay phải trả tiền lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ một tháng một lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15 tháng 6 năm 2020 .

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi vì từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 trả tiền không đúng thời hạn, theo khoản 8 Điều 2 của Hợp đồng LN 2004202349353 nên ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng cho vay và thu hồi nợ trước thời hạn và chuyển sang lãi quá hạn.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi cũng được quy định cụ thể trong Hợp đồng cho vay số: LD2115400695, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử và cũng được Quy định trong Điều kiện giao dịch chung.

Tính đến ngày 22 tháng 04 năm 2024 ông Võ V S và bà Quách Th Th L đã trả được một phần và còn nợ số tiền như sau:

a/ Theo hợp đồng LN 2004202349353 đã trả được 165.546.000đ tiền gốc, tiền lãi 125.021.100đ, số tiền còn nợ: gốc 338.621.000đ, tiền lãi 121.366.549 đ.

Theo hợp đồng LD2115400695, đã trả được 9.676.626 đ tiền gốc, tiền lãi 6.709.106đ số tiền còn nợ: gốc 20.323.374đ, tiền lãi 10.116.919đ.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, nợ số tiền gốc 19.095.323đ, tiền lãi 18.049.500 đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 527.572.665đ.

Về mức lãi, theo hợp đồng ký kết và Điều kiện chung của ngân hàng, thì hợp đồng vay LN 2004202349353 có mức lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần , Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Theo hợp đồng LD2115400695 có mức lãi suất trong hạn 22%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mức lãi suất trong hợp đồng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử thì được quy định trong điều kiện chung của ngân hàng VPBank.

Bị đơn cho rằng lãi suất cao đề nghị xem xét giảm lãi suất. Xét thấy việc thoả thuận giao kết hợp đồng là tự nguyện của các bên, mức lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng và Luật số: 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.

Như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay Tổng cộng cả gốc và lãi là 527.572.665đ, tính đến ngày ngày 22 tháng 04 năm 2024.

Trường hợp ông Võ V S, bà Quách Th Th L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 527.572.665đ nên số tiền án phí là 25.102.906đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.461.271đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001331 ngày 06/11/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều Điều 357, Điều 303, Điều 422, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ V S, bà Quách Th Th L liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng T V số tiền cụ thể như sau:

a/ Theo hợp đồng LN 2004202349353 số tiền gốc 338.621.000đ, tiền lãi 121.366.549 đ.

Theo hợp đồng LD2115400695, số tiền gốc 20.323.374đ, tiền lãi 10.116.919đ.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, số tiền gốc 19.095.323đ, tiền lãi 18.049.500 đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 527.572.665đ. tính đến ngày 22 tháng 04 năm 2024.

Kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2024 ông Võ V S, bà Quách Th Th L tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, mức lãi quá hạn theo hợp đồng ký kết và Quy định điều chỉnh biến động lãi suất của ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp ông Võ V S, bà Quách Th Th L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Võ V S và bà Quách Th Th L vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2]. Về án phí: Buộc buộc bị đơn ông Võ Văn S, bà Quách Thị Thị Liên đóng nộp tiền án phí DSST là 25.102.906đ

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.461.271đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001331 ngày 06/11/2023.

Chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp nguyên đơn tự chịu nên không xem xét.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đường sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên